Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ
Số chuyên đề: SDMD 2024
ISSN 1859-2333 | e-ISSN 2815-5599

DOI:10.22144/ctujos.2024.439

NGỤ NGÔN SINH THÁI VÀ VẤN ĐỀ SINH MỆNH SINH THÁI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA TRẦN BẢO ĐỊNH

Trần Thanh Huy*
Học viên Cao học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
**Tác giả liên hệ (Corresponding author): huytt.llvh034@pg.hcmue.edu.vn*

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 29/03/2024
Sửa bài (Revised): 27/05/2024
Duyệt đăng (Accepted): 24/07/2024

Title: *Ecological language and the problem of ecological life in the Mekong Delta short story by Tran Bao Dinh*

Author(s): *Tran Thanh Huy**

Affiliation(s): *Ho Chi Minh City University of Education*

TÓM TẮT

Trần Bảo Định là một nhà văn viết về sinh thái Nam Bộ với số lượng tác phẩm lớn, bao phủ từ các loài vật phương Nam đến cả những môi trường sống xung quanh làm nên cảnh quan đặc trưng của miền đất. Nổi bật trong các sáng tác của nhà văn chính là cấu trúc truyện như một ngụ ngôn về sinh thái, nhằm gửi gắm thông điệp về sinh mệnh cỏ cây, loài vật trên vùng đất sau khi đi qua năm tháng. Tác phẩm như một tấm gương nhìn lại chặng đường phát triển, phồn sinh của sinh thái Nam Bộ với đa dạng tri thức về từng giống loài: tri thức về tập tính sinh hoạt, tri thức về nuôi trồng nông nghiệp,... Mục đích của bài viết, là khắc họa môi trường sinh thái qua ký ức của tác phẩm văn chương. Đồng thời, thấy được tiếng nói cất lên từ âm vọng "xanh" mang thông điệp ngụ ngôn, nhằm có được những gợi mở cho việc hình thành và góp phần nâng lên mạnh mẽ sự phát triển bền vững của miền sông nước trong môi trường bản sắc của riêng nó.

Từ khóa: *Trần Bảo Định, ngụ ngôn, ngụ ngôn về sinh thái, sinh mệnh sinh thái*

ABSTRACT

Tran Bao Dinh is a writer about Southern ecology with a large number of works covering Southern animals and the surrounding habitats that create the region's typical landscape. Outstanding among the writer's creative tasks is the plot structure as an ecological language to send optimal messages about the lives of plants and animals on the land after passing through the years. The work is like a mirror looking back at the development and wilderness basis of Southern ecology with diverse knowledge about each species: knowledge about living habits, knowledge about agriculture, etc. The purpose of articles is to portray the ecological environment through memories of literary works. At the same time, the shop's voice speaks from the "green" echo, carrying linguistic messages, aiming to have opening tips for the formation and advice to strongly enhance the sustainable development of the river region in its own unique environment.

Keywords: *Tran Bao Dinh, parable, parable about ecology, ecological life*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Minh triết phương Đông từ lâu được đúc kết qua những câu chuyện bắt nguồn từ vạn vật trong đời sống sinh thái. Từ thế giới đa dạng của đời sống tự nhiên đã hóa thành những lời ẩn ý sâu xa, qua đó truyền đạt tư tưởng, quan niệm của bậc triết gia hiểu thấu lẽ đời. Trên cơ sở đó, tự nhiên và đời sống con người như chẳng hề tách bạch, tự nhiên có thể phóng chiếu lên cốt cách, tâm thái và suy nghĩ của con người cùng chung sống. Như vậy, đã tạo tiền đề cho một phương pháp kể chuyện văn chương ra đời từ xa xưa, mượn này để nói kia, dẫu là văn của bậc hiền triết hay của nhân dân trong việc kết hợp với vẻ đẹp muôn loài trong văn học dân gian, sức ảnh hưởng của câu chuyện ngụ ngôn vẫn đang bàn bạc trong tác phẩm đương đại. Dựa vào thủ pháp ngụ ngôn, câu chuyện đặc sắc của một vùng miền, Trần Bảo Định như đang hóa những vùng đất thành câu chuyện chất chứa năm tháng với chủ nhân ông là tự nhiên bao la ôm lấy con người. Thủ pháp chủ đạo của thể loại ngụ ngôn là lấy cái này để nói cái khác, lấy thế giới loài vật để phóng chiếu thế giới loài người, đó như là cách mượn trăng nói gió, mượn bướm để nói hoa. Tính chất ngụ ngôn ngầm ẩn để tạo thành bài học thấm thía giá trị cho cuộc sống, từng ngày cải thiện, và trở thành một lời nhắc nhở con người điều bình cuộc sống của mình. Văn chương Trần Bảo Định bắt đầu từ thủ pháp ngụ ngôn của dân gian, thấy được hình ảnh loài vật với những tính cách của riêng nó, của bản chất vốn rất tự nhiên để rồi đưa hình ảnh con người vào đó, làm cho vùng đất có một diện mạo và con người trở thành đối tượng thứ yếu trong vùng đất. Cuối cùng, tự nhiên chính là sinh mệnh của vùng đất và không thể tồn tại nếu thiếu mất dáng vẻ của đất trời bao dung, rộng mở. Sự trù phú, hào sảng của đất phương Nam chắc hẳn cũng bởi thiên nhiên ưu đãi, vì vậy con người trong quá trình sống phải thật sự bảo tồn và chung sống hài hòa với tự nhiên. Tuy vậy, sinh thái vẫn đôi lúc bị con người hoán ngôi và rồi bị tổn hại nặng nề. Bài viết này sẽ hướng đến tiếng nói "xanh" được cất lên từ tác phẩm của nhà văn Trần Bảo Định, để ngắm nhìn hình hài tự nhiên vốn có của vùng đất. Sau đó, bài viết tập trung làm rõ hành trình sinh mệnh vùng đất Nam Bộ phải là hành trình trả tự nhiên về đúng giá trị vốn có. Đó là cách để phát triển bền vững vùng đất sông nước hiền hòa, tiếp tục chở che bao thế hệ.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Văn chương Trần Bảo Định như một ngụ ngôn về đời sống sinh thái

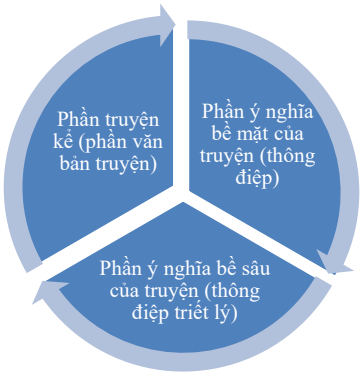
2.1.1. Sơ lược về truyện ngụ ngôn dân gian

Theo nhiều nhà nghiên cứu văn học dân gian, truyện ngụ ngôn là một thể loại mang tính ngụ ý hơn cả. Bởi, nếu nói về ngụ ý, về truyền đạt một ý nghĩa thì bất cứ thể loại nào trong văn học dân gian, cả các thể loại đương đại cũng có thể làm được. Tuy vậy, truyện ngụ ngôn vẫn mang đặc tính ngụ ý rõ nhất, đó là đích đến quan trọng nhất của truyện. Trong các công trình về truyện ngụ ngôn, có thể thấy vấn đề ngụ ý cũng được quan tâm nhấn mạnh. Công trình *Tổng tập văn học dân gian người Việt tập 10 - Truyện ngụ ngôn*, cho rằng ý quan trọng nhất của truyện là lời "quy châm":

dù được kể bằng văn xuôi hay văn vần, dù dài hay ngắn, dù chuyện loài vật, đồ vật hay kể chuyện con người, dù nói bóng gió, gián tiếp hay bộc lộ tư tưởng một cách trực tiếp, cái đích mà truyện ngụ ngôn đạt đến bao giờ cũng là lời quy châm. Lời quy châm đó là một quan niệm triết lý hay đạo đức, một kinh nghiệm sống đã được tổng kết.

(Kính (chủ biên), 2003, tr.27)

Hay trong *Góc nhìn cấu trúc về ca dao và truyện ngụ ngôn*, tác giả Triều Nguyên cho rằng: "Theo đó, thì điều cốt lõi của truyện ngụ ngôn là lời quy châm. Và lời quy châm được hiểu như cơ sở để nhìn nhận về mặt thể loại của phức thể ngụ ngôn." (Nguyên, 2010, tr.185). Như vậy, từ hai công trình về truyện ngụ ngôn, các tác giả đều chỉ ra mục đích hướng đến của truyện ngụ ngôn là lời quy châm. Đồng thời, các nhà nghiên cứu cũng xác định cấu trúc truyện có hai thành phần đó là phần kể và phần quy châm. Một mặt khác, ngụ ngôn có thể xem là một phức thể, bởi truyện ngụ ngôn có nhiều dạng hình thức có cả văn xuôi lẫn văn vần. Và xét cả về mặt bộc lộ ý nghĩa, tư tưởng thì truyện ngụ ngôn bộc lộ một triết lý bề sâu, triết lý sống chiêm nghiệm của dân gian. Bởi thế, có thể hình dung truyện ngụ ngôn theo Hình 1.



Hình 1. Sơ đồ cấu trúc truyện ngụ ngôn dân gian

Có thể thấy, yếu tố ngụ ngôn của truyện có hai lớp, sau khi đọc xong truyện, lớp đầu tiên có thể nhận chân ra ngay trên bề mặt về một ý nghĩa nào đó, nhưng chưa dừng lại, truyện ngụ ngôn còn lớp thứ hai. Lớp nghĩa thứ hai này là lớp nghĩa bề sâu, nói lên tính phổ quát, từ hiện tượng, trường hợp cụ thể được kể sẽ sinh thành lớp thứ hai, một minh triết phổ quát. Về kết cấu cụ thể các bước, tác giả Triều Nguyên thiết lập như sau:

1) Nhân vật kèm tính cách;

2) Nhân vật kèm tính cách, đứng trước bối cảnh, điều kiện cần ứng phó;

3) Nhân vật kèm tính cách, đứng trước bối cảnh, điều kiện cần ứng phó, đã có hành động đáp trả phù hợp với tính cách của mình;

4) Nhân vật kèm tính cách, đứng trước bối cảnh, điều kiện cần ứng phó, đã có hành động đáp trả phù hợp với tính cách của mình, để giành được thắng lợi hay phải chịu thua thiệt.

(Nguyên, 2010, tr. 208)

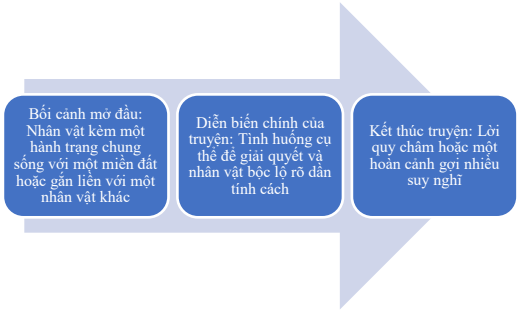
Như vậy, cốt truyện của truyện ngụ ngôn có điểm đặc biệt là sẽ gắn với nhân vật, nhân vật gắn chặt với cốt truyện. Tính cách của nhân vật là tính cách cố định từ đầu đến cuối và đó chính là điều nhân vật có để ứng phó với bối cảnh. Tóm lại, truyện ngụ ngôn dân gian vốn là truyện nhằm truyền đạt một ý nghĩa được ẩn giấu, truyền đến một thông điệp trên bề mặt lẫn bề sâu và có sự phát triển ngụ ngôn. Yếu tố làm nên tính ngụ ngôn chính là sự phát triển của cốt truyện trong một tình huống cần giải quyết và nhận lại kết quả, sau đó bài học sẽ bật lên. Đồng thời, truyện ngụ ngôn là bầu trời của ẩn dụ, từ những phương diện như nhân vật, cốt truyện, tình huống,… đều là hành trình ẩn ý để cuối cùng, tất cả như kết lại và gửi đến lời quy châm.

2.1.2. Tự sự ngụ ngôn trong truyện ngắn Trần Bảo Định

Sinh thái với các yếu tố cỏ cây, loài vật và cả cảnh quan đặc trưng Nam Bộ được nhà văn thể hiện trước hết qua dấu ấn về tên các tập truyện. Các tập truyện của ông như những chủ đề của sinh thái, bắt đầu từ sinh mệnh loài: *Kiếp ba khía*, *Phận lìm kìm*, *Đời bọ hung*, đến hệ thống các cảnh quan sinh thái cỏ cây trong *Bông trái quê nhà*, đến số phận những loài nhỏ bé, bên lề, mỏng manh trong *Mùa hoa nắng*, *Thương những ngày*... Không chỉ vậy, các tập truyện còn thể hiện dày đặc đặc điểm loài sinh thái, và cả sự vận hành của môi trường xung quanh theo thời gian. Vì thế, văn chương Trần Bảo Định trở thành kho tàng về đất và người phương Nam, với diện mạo đầy đủ từ môi sinh đến văn hóa. Do vậy, tìm hiểu văn chương Trần Bảo Định là đang đi vào chân trời sinh thái, đời sống sinh thái được phóng chiếu và thể hiện dấu ấn trên con người. Phải kể đến, các loài được thể hiện những diện mạo rõ ràng chi tiết trong so sánh với đời sống con người và sau cùng để ngỏ một ngụ ý về đời sống. Theo hướng ấy, bài báo được triển khai nhằm tìm hiểu vấn đề sinh thái như một ngụ ngôn trong tác phẩm, nói chuyện sinh thái, cỏ cây cũng là đang nói chuyện về cuộc sống con người gắn bó với vạn vật. Truyện ngắn Trần Bảo Định đã gắn con người với sinh thái tài tình, như nhập thành một để có thể cất lên tiếng nói đồng vị, và đồng mệnh trong đời sống phương Nam.

Văn chương Trần Bảo Định cũng mở ra bằng một tình huống, một môi trường sinh thái cụ thể, những tình huống diễn ra và không có đúc kết lại ở cuối truyện. Nhiều truyện khi kết thúc vẫn còn gây nhiều băn khoăn cho người đọc về điều muốn truyền đạt. Tinh thần ngụ ngôn của truyện ngắn Trần Bảo Định còn ở chỗ quá trình cố kết để bật lên một thức nhận chiều sâu không được đề cập trong văn bản. Vì thế, truyện ngắn Trần Bảo Định không chỉ tiếp nhận ngụ ngôn dân gian, mà còn là tinh hoa ngụ ngôn trong các triết lý của các bậc minh triết phương Đông, cũng dùng câu chuyện, như một diễn ngôn, ngụ ý sâu sắc bên trong câu chữ. Sự kết hợp ấy, khiến cho tính ẩn dụ, thủ pháp quan trọng của ngụ ngôn, được thể hiện nhiều thâm ý, sâu sắc hơn những hiện tượng đời sống thường nhật. Bởi, truyện ngụ ngôn dân gian chủ yếu truyền đạt bài học cuộc sống, phóng chiếu những mâu thuẫn trong đời sống vào truyện. Còn truyện ngắn của nhà văn, ẩn ý phía sau là một nền triết lý sống với tự nhiên, bài học về hòa hợp, do đó nó như một hệ thống mượn xưa nói nay, hay một lần nữa diễn giải người xưa trong hoàn cảnh. Vì thế, cấu trúc truyện ngụ ngôn của Trần Bảo Định mang hai lớp truyện rõ rệt: Một lớp truyện bề

mặt và một lớp truyện ngụ ngôn văn hóa. Vì thế, cấu trúc truyện ngụ ngôn của Trần Bảo Định có một vòng lặp ngụ ngôn, nối tiếp nhau:



Hình 2. Sơ đồ tự sự ngụ ngôn trong truyện ngắn Trần Bảo Định

Như vậy, truyện bắt đầu từ một tình huống văn hóa cần phải giải quyết. Các tình huống văn hóa ấy thường được tác giả mượn từ những hình ảnh của tự nhiên, hoặc con người để nói về một thực trạng cuộc sống và dễ dàng đúc kết một triết lý giản đơn về mâu thuẫn, hoặc cho thấy những vấn đề trong đời sống. Vì thế, truyện ngụ ngôn giống một cẩm nang sống, ứng xử và định hướng con người ứng xử phù hợp. Nhưng với văn chương Trần Bảo Định, còn có một ***thủ pháp ẩn để mở tâm thức văn hóa***. Nghĩa là, câu chuyện vẫn diễn ra, vẫn có phần giải quyết nhưng không đi đến một kết cục quá cụ thể, thể hiện rõ ràng triết lý từ chính những điều được diễn ra trong truyện. Mà ý nghĩa câu chuyện mở ra thế giới tâm thức đa dạng, phức tạp về cả một chân trời văn hóa. Mốc nối sâu sắc vào thế giới nguồn cội của con người. Nó như một thủ pháp ẩn dụ để đạt đến tỉnh thức trong sát na. Con người với vốn sống của mình, với những điều mắt thấy tai nghe bình thường sẽ được tác phẩm dẫn dắt đi đến một nghĩa bề sâu và tạo nên một thức nhận vỡ òa chân lý. Do vậy, truyện ngắn Trần Bảo Định là thế giới đặc sắc những nghĩa bên trong, trong đó thế giới tự nhiên là một nghĩa bề sâu. Hay có thể nói, tính chất trực tiếp trên tác phẩm đã thay đổi trong cấu trúc của truyện ngắn Trần Bảo Định. Đối với truyện ngụ ngôn dân gian, vấn đề ngụ ngôn sẽ được bộc lộ qua quá trình giải quyết vấn đề của người, hoặc vật qua trí khôn/dại dột. Sau đó, nhân vật nhận về kết cục thua thiệt hay thắng lợi. Đối với truyện ngắn Trần Bảo Định, quá trình ấy được thể hiện thông qua hai loại truyện: Loại truyện sát với truyện ngụ ngôn dân gian và loại truyện ngụ ngôn sẵn một ý nghĩa có trước. Loại truyện đầu tiên, dẫu sát với truyện ngụ ngôn dân gian nhưng vẫn song hành cả hai yếu tố là có loài thông minh và cả dại dột, sau đó kết cục cuối cùng là sự hòa hợp. Loại truyện thứ hai là ngụ ngôn sẵn có, đi triển khai một ngụ ngôn rồi quay lại ngụ ngôn. Nghĩa là, loại truyện thứ hai cứ tưởng là một kết cấu giải ngụ ngôn nhưng thật ra là đi vào tâm thức văn hóa, thế giới ẩn chứa sâu xa trong tác phẩm. Như vậy, dẫu là hai loại nhưng kết cấu ngụ ngôn thông qua ẩn dụ là một thủ pháp dễ thấy trong truyện ngắn Trần Bảo Định, đồng thời tiếp thu các cấu trúc ngụ ngôn dân gian nhưng có nhiều biến chuyển. Bài báo dựa chủ yếu vào cấu trúc đi đến một ý nghĩa ẩn sâu bằng thủ pháp ẩn dụ mà gọi truyện Trần Bảo Định như một ngụ ngôn sinh thái. Để tường minh hơn về sự giống và khác giữa truyện ngụ ngôn dân gian và truyện ngắn Trần Bảo Định, chúng tôi lập bảng so sánh sau:

Truyện	**Mở đầu**	
Truyện ngắn Trần Bảo Định	Sử dụng Ngữ văn dân gian	Không gian cụ thể mở đầu truyện
	Nhân vật kèm một che giấu về hành trạng gắn liền với mảnh đất văn hóa	
Truyện ngụ ngôn	Nhân vật kèm tính cách đứng trước một bối cảnh cần ứng phó	
Truyện	**Diễn biến**	
Truyện ngắn Trần Bảo Định	Nhân vật giải quyết một tình huống	Nhân vật gắn liền với một bối cảnh truyện
	Nhân vật giải quyết tình huống theo bối cảnh truyện, làm nổi bật văn hóa	
Truyện ngụ ngôn	Nhân vật giải quyết, ứng phó theo tính cách	
Truyện	**Kết thúc**	
Truyện ngắn Trần Bảo Định	Dùng Ngữ văn dân gian để đúc kết	Có lời nói đúc kết/một tình huống kết thúc
	Nhân vật được huyền thoại hóa với vùng đất hoặc với đặc tính của mình	
Truyện ngụ ngôn	Nhân vật kèm tính cách ứng phó theo tính cách nhận được phần thắng hoặc thua thiệt	

Bảng 1. Bảng so sánh cấu trúc tự sự truyện ngụ ngôn dân gian và cấu trúc tự sự trong truyện ngắn Trần Bảo Định

2.2. Ngụ ngôn sinh thái trong văn chương Trần Bảo Định: Đời sống con người trong sự phóng chiếu của đức mẹ tự nhiên

2.2.1. Nhân vật gắn liền với cốt truyện ngụ ngôn: đặc trưng loài cùng sự đồng vị của con người và tự nhiên

Cũng giống như truyện ngụ ngôn dân gian, Trần Bảo Định cũng có kiểu nhân vật con vật, cây cối và nhân vật là con người trong truyện. Tuy vậy, nhân vật trong truyện của Trần Bảo Định sẽ vừa có nhân vật là con người, vừa có nhân vật là con vật. Hai nhân vật này song song tồn tại, như đồng dạng cùng nhau trong truyện của nhà văn. Vì thế, câu chuyện của Trần Bảo Định có sự song tuyến cốt truyện. Hai tuyến nhân vật này có thể trái ngược tính cách, hành động và suy nghĩ nhằm thể hiện một dụng ý ngụ ngôn. Từ đó, truyện vận động theo nguyên tắc: nhân vật loài vật trong truyện sẽ giữ vai trò ẩn dụ, ẩn ý cho tâm tính, hành động và suy nghĩ của nhân vật con người. Nghĩa là thế giới tự nhiên phóng chiếu vào đời sống con người, để nhận thức về đời sống ấy từ đâu mà ra, tính cách ấy do đâu mà hình thành, minh triết ấy xuất phát từ cơ sở nào. Trong truyện *Cúm núm miệt Vĩnh Đại*, con cúm núm đại diện cho lối sống của con người. Truyện kể về loài cúm núm xuất hiện vùng đất Vĩnh Đại, đây là loài sống một cách nghĩa tình, và thể hiện hết vẻ đẹp của loài. Nhân vật trong truyện thường được so sánh với cúm núm:

Hắn rê ra lau máu, đỡ Ba Hữu ngồi dậy. Hắn chảy nước mắt, mùi dầu nóng hiệu Angka phảng phất trên mắt hắn.

- Thì đồng chí cứu bịa ra chuyện để khai, tránh đau và khỏi chết (!?)

Ba Hữu cười bâng quơ, bên tai nghe văng vẳng lời bác Sáu:

- Bọn thất đức thường dùng "cúm núm mồi" bẫy bắt cúm núm. Họ huấn luyện con mồi thuần thục tiếng kêu, đầy uy lực của một lãnh chúa, rèn lưỡi phát ra tiếng âm thanh quyến rũ động tình. Nhưng cũng ngộ, con "cúm núm mồi" chỉ hăng say bắt đồng loại ở buổi đầu; thường sau đó, nó không mần theo ý chủ nhơn và cũng có đôi khi nó tự cắn lưỡi lưỡi mà chết.

Hỏi vì sao? Đêm đó, bác Sáu nói:

- Chắc là nó ân hận vì đã dùng tiếng kêu đồng loại lừa dối đồng loại, cho người tận diệt giống nòi.

(Định, 2017b, tr.125 – 126)

Nhân vật Ba Hữu lớn lên ở vùng đất Vĩnh Đại, sau đó gia nhập đơn vị bộ đội Huyện khi quân Pôn Pốt đánh đến. Đến một ngày, anh sa vào tay giặc. Khi bị giặc hỏi, giặc tra khảo anh giữ một thái độ im lặng. Bên tai anh lúc ấy, luôn văng vẳng lời dạy của người bác Sáu trong xóm về con cúm núm. Đời sống loài vật đã vận vào đời người Ba Hữu, anh bây giờ đã đồng nhất với cúm núm, sống oai phong, lẫm liệt và chẳng bao giờ phản bội đồng đội:

Kinh Ngang ngày xưa, nay người ta gọi là kinh Vĩnh Đại. Thím thì thầm với xương cốt Ba Hữu:

- Con không chết bởi "cúm núm mồi" được chủ nuôi từ hồi còn là trứng. Con chết, bởi lòng cao thượng của con cúm núm đầu đàn trên vùng đất kiên cường Vĩnh Đại, một vùng đất nằm giữa ruột Đồng Tháp Mười đã bao đời đổ mồ hôi sôi nước mắt, đổ máu xương để gầy dựng và gìn giữ.

(Định, 2017b, tr.127)

Đến tận lúc chết, Ba Hữu vẫn không khai một lời, dẫu cho giặc có dùng muôn phương nghìn kế. Và rồi, chúng giết anh để cảnh cáo dân làng, cho mọi người thoái chí không còn chống lại chúng. Lúc đón xương cốt của anh về với mọi người, người thím trong xóm đã thì thầm vào xương cốt Ba Hữu, thím nói với anh rằng anh chết hiên ngang như một con cúm núm đầu đàn. Truyện dừng lại đó, để lại bao bỏ ngỏ với phận người và phận vật. Nhưng dựa vào lời cuối truyện, cũng có thể nhận ra rằng: dẫu cho khi con cúm núm đầu đàn bị giết, không hề làm cho cả đàn hoảng sợ mà càng làm tăng nhuệ khí, càng gây bao thương đau và căm ghét cho đàn cúm núm. Cũng như dân đất Vĩnh Đại, sẽ chẳng bao giờ hàng giặc, và sẽ lại cùng mọi người đứng lên oai dũng như Ba Hữu, bảo vệ quê hương của mình. Chuyện của cúm núm mồi và chuyện của Ba Hữu bị bắt làm mồi hòa vào như như một, song hành tuyến truyện để nói lên triết lý tương đồng giữa tự nhiên và con người. Hay nói cách khác, đó là phận đồng vị, cùng một vị thế, vị trí với nhau, họ cùng có cách hành xử như nhau. Bởi thế, truyện mang một tâm thế ngụ ngôn về đời sống sinh thái, con người như nhận sinh thái là người thầy lớn của chính mình. Nói chuyện sinh thái nhưng cũng là câu chuyện về sự hình thành và gìn giữ vùng đất lớn lao của dân quân miền đất. Họ, luôn luôn xông pha, anh dũng đi đầu đối diện bao khó khăn thử thách, họ chọn sống đúng đạo với đời sống con người cùng chung một dân tộc, nhưng đồng thời cũng không được trái đạo tự nhiên. Vẻ đẹp triết lý trong truyện ngắn Trần Bảo Định mang một tinh thần ngụ ngôn, con cúm núm đã ngụ ý cho con người, cho mỗi cách hành xử của con người. Thiên nhiên nơi đây đã dạy con người lớn khôn, con người

phương Nam tôn thờ tự nhiên trong cả tâm thức của mình, đó là một ý nghĩa văn hóa đặc biệt của riêng chốn này.

Như thế, qua một tác phẩm mẫu vừa phân tích, có thể nhận thấy, truyện ngắn Trần Bảo Định sử dụng ẩn dụ là một thủ pháp quan trọng cho truyện của mình và câu chuyện cũng dẫn đến triết lý về một quy châm trong cách ứng xử và cách sống với cuộc đời. Khác với nhiều truyện ngắn, truyện Trần Bảo Định không chỉ phản ánh một lát cắt của cuộc sống, không chỉ nói chuyện xã hội đời thường bâng quơ, mà sâu thẳm trong ấy là cả một cấu trúc ngụ ý về triết lý dân gian. Bởi thế, truyện của ông ảnh hưởng sâu nặng cấu trúc ngụ ngôn dân gian, cũng nhằm hướng đến một thông điệp lớn về cuộc đời trên một câu chuyện đơn giản. Và lẽ dĩ nhiên, truyện ngắn của nhà văn vẫn có độ chênh nhất định so với ngụ ngôn, tuy vậy vẫn có rất nhiều điểm giao với truyện ngụ ngôn. Mà điểm quan trọng nhất, đó chính là tính ẩn dụ loài, người đều thể hiện một ý nghĩa bao quát: Đó là lối sống, lối hành xử nhân nghĩa – có ích cho cuộc sống này. Mỗi loài vật, có thể thể hiện một yếu tố nhất định khác biệt, nhưng ý nghĩa chung vẫn là lối sống tôn nhân nghĩa làm đầu, cuộc sống trở nên hòa hợp, yêu thương lẫn nhau. Sự gắn bó chặt chẽ như vậy, chính là tính minh triết đã được hun đúc từ lâu và trở thành một tôn chỉ sống của người Nam Bộ.

Trong truyện ngụ ngôn, mỗi con vật đều mang một tính cách, một quy luật vận động tư duy khác nhau dựa trên quan điểm của người xưa. Như con thỏ thì tinh ranh, nhỏ bé, con sư tử thì lớn và hung bạo, nhưng cũng rất ngu ngốc,… Dựa trên đó, thấy được tư duy của con người xa xưa về nhận thức các vật dựa trên kích cỡ và đặc tính để phần nào hình dung tính cách của nó đưa vào truyện. Quá trình ấy, đòi hỏi con người phải trải qua thời gian quan sát, gạn lọc và nhận thức, đồng thời để có một giai đoạn đủ lâu cho việc hình thành tư duy trừu tượng. Như vậy, đó là hành trình khám phá thế giới con người bằng thế giới của tự nhiên, nhận thức triết lý sống bằng chính cuộc sống xung quanh mình, xem cuộc sống xung quanh là nguồn cội của sự sống. Tuy không phải như truyện cổ tích loài vật, đi giải nghĩa nguồn cội của loài vật, dẫu vậy truyện ngụ ngôn vẫn để lại vết tích của chiêm nghiệm dài lâu về một loài vật, hiểu biết nguồn cội để xây dựng tính cách. Trong truyện ngắn Trần Bảo Định, con vật cũng với một vẻ như vậy, được đặt để tính cách, được đưa vào mối quan hệ xã hội để mượn vật nói chuyện người, nhưng cũng là nói chuyện vật. Tính lồng ghép đó, đã đưa truyện ngụ ngôn của nhà văn lên một bậc khác hơn với truyện ngụ ngôn dân gian. Như trong tập truyện *Bông trái quê nhà*, loài cây trái mang một tâm thức gắn với mỗi vùng đất, là ngụ ngôn nhân nghĩa của vùng đất ấy, như trong truyện *Măng cụt – Trái tình yêu*, cũng bắt đầu từ việc hiểu biết đặc tính của cây trái:

- Cây măng cụt phải mất gần mười năm hoặc hơn mười năm mới trổ bông ra trái, rồi sau đó có thể sống hằng hà sa số năm với một chiều cao trên hai mươi mét, vậy mà người ta vẫn gọi nó là cây tiểu mộc chớ chẳng ai gọi gọi nó là cây trung mộc hay đại mộc bao giờ. Con Bảy dù đã bằng đó tuổi, lớn tổng ngổng, nhưng nó vẫn còn là đứa "trẻ người non dạ"… Và dẫu sao thì nó vẫn là con của mình. Mình bao nỡ…

[…]

- Những bông đầu tiên mọc thành chùm trên đỉnh nhánh. Bông rộng, dày, và có thể bông đực hay bông lưỡng phái cùng một cây, cuống bông có đốt, lá bắc. Bông lưỡng tính thường mọc đơn lẻ, đôi khi thành cặp trên ngọn nhánh cành non. Cánh bông màu xanh bên ngoài đốm đỏ, vàng đỏ bên trong… Không cần ai thương, nó vẫn ra trái cho đời… Nhưng, con Bảy nhà mình thì khác, nó trổ mã con người, thì phải có người thương mới nên vợ nên chồng chớ.

(Định, 2018a, tr.81 – 82)

Chuyện kể về Hai Lượng và Bảy Đặng vượt rào yêu nhau, và "ăn cơm trước kẻng" mà chưa qua cưới hỏi. Chuyện này, đã làm tía của Bảy Đặng tức tối, không chấp nhận sự hư đốn của con gái, và không chấp nhận chàng rể Hai Lượng. Thương con, bà mẹ lấy chuyện măng cụt, cây trái được trồng trong vườn nhà để nói với chồng và trong đó, gửi gắm tấm lòng, ẩn ý về chuyện của con. Nhưng rồi, sự cứng rắn của người cha cũng đâu cản được tình cảm yêu nhau thật lòng của đôi trẻ, bởi như người mẹ đã nói, cây măng cụt trải bao năm tháng mới kết trái, cũng ẩn ý cho tình yêu này đã bao ngày thương nhau mới vượt rào, đậu quả. Đời cây là đời người, cuộc sống của cây là cuộc sống của người. Cây măng cụt đã yêu thương vùng đất, ở lại vùng đất và bén rễ, sinh cây sinh trái, thì người thương nhau mới đến với nhau. Để rồi, cây trái đại diện cho sự bất diệt của thương mến, của nghĩa nhân đất phương Nam. Sau một thời gian lấy nhau, Hai Lượng trong một lần đi bán măng cụt trên ghe, nghe tiếng kêu cứu của một gia đình gặp nạn trên sông nước, anh bơi xuống cứu, nhưng khi đưa được người lên bờ thì anh cũng kiệt sức, trôi theo dòng nước và ra đi vĩnh viễn. Từ đó, còn mang nghĩa, trái măng cụt chính là linh hồn của lớp lớp

người vun xén, gầy nên. Bởi thế, người đi nhưng cây vẫn còn, nó bất hủ với năm tháng:

Mỗi ngày, Bảy Đặng canh con nước ra vô, để dì theo con nước đi gặp linh hồn chồng tại nơi chồng đã lâm nạn và chết. Trễ con nước, cũng đồng nghĩa là dì đã trễ hẹn với người từng "ba sinh hương lửa"!

(Định, 2018b, tr.92)

Ngày ngày, người vợ vẫn nhớ thương chồng, bơi xuống đến nơi chồng gặp nạn để gặp chồng ở một dáng hình khác. Cứ đều đặn vậy, như trái măng cụt chẳng bỏ người nếu người cũng đều đặn chăm lo cho nó. Bởi thế, vun đắp vườn măng cụt bây giờ với Bảy Đặng là vun đắp sự lớn lên thêm tình yêu với vùng đất, với người chồng. Tình người chợt hóa tình đất, tình sông lưu giữ mãi một lối sống chân thành, thủy chung và nghĩa nhân giữa con người với nhau bên cạnh cây trái do con người vun vén. Trái măng cụt đã là trái tình yêu, không chỉ tình cảm vợ chồng, mà còn là tình yêu gửi hồn vào sự phát triển của trái. Cứ thế, hành trình trưởng thành, ra trái của cây cũng là lúc mà con người đã nhận thức bao chuyện cùng cây trái, nhận chân bao chân lý của cuộc đời.

Có thể khái quát hình thái cấu trúc của truyện ngắn Trần Bảo Định ảnh hưởng truyện ngụ ngôn như sau:

1) Nhân vật (loài vật, con người) kèm những đặc tính triết lý sống Nam Bộ;

2) Nhân vật (loài vật, con người) kèm những đặc tính triết lý sống Nam Bộ, đứng trước một tình huống, một vấn đề cần giải quyết, hay một biến cố cần ứng xử;

3) Nhân vật (loài vật, con người) kèm những đặc tính triết lý sống Nam Bộ, đứng trước một tình huống, một vấn đề cần giải quyết, hay một biến cố cần ứng xử đã có cách ứng xử phù hợp với triết lý Nam Bộ;

4) Nhân vật (loài vật, con người) kèm những đặc tính triết lý sống Nam Bộ, đứng trước một tình huống, một vấn đề cần giải quyết, hay một biến cố cần ứng xử đã có cách ứng xử phù hợp với triết lý Nam Bộ, đã hóa bất tử một biểu tượng về loài vật hoặc con người.

Trong truyện ngụ ngôn dân gian, nhân vật sau khi trải qua một bối cảnh, đối diện với một tình huống, bằng trí khôn hay dại dột nhân vật sẽ nhận về kết quả thắng hay thua. Dựa trên kết quả ấy, chúng ta cũng phần nào cảm nhận được tinh thần trọng thị của tác giả dân gian hướng về tính thiện, sự ứng xử tốt lành trong đời sống, và phê phán cái xấu, cái ác. Trái lại, trong truyện ngắn Trần Bảo Định, nhà văn không chỉ lấy nhân vật là một ngụ ý về cách ứng xử, không đặt nhiều vấn đề khôn ngoan – dại dột mà còn đi đến thiết dựng biểu tượng Nam Bộ. Thông qua quá trình ứng xử, nhân vật được bất tử hóa như một một biểu tượng về loài (loài vật, cây trái) và cả con người. Từ đó, đức tính và lối sống của loài vật là kim chỉ nam cho hành động, cho lối sống của nhiều thế hệ lớn lên nơi này. Có thể nói, trong truyện ngắn Trần Bảo Định, câu chuyện được chú trọng xây dựng một tình huống có tính vấn đề cao, điển hình hóa. Nhân vật trong truyện được đặt vào vị thế tương tác chặt chẽ với môi trường sinh thái xung quanh, đặc biệt là con vật, để nhận thức về những giá trị của vùng đất làm nên đời sống vững bền. Vì thế, câu chuyện chủ ý hướng đến một mối quan hệ con người – loài vật như một mối quan hệ văn hóa, dung chứa minh triết sống mang chất Nam Bộ. Trên cơ sở đó, nhà văn thiết dựng mỗi câu chuyện trên nhiều chủ đề, đó có thể là chủ đề về sự phát triển của loài cây trái, hoặc của đời sống con người, hay đó còn là cuộc sống chiến đấu, gìn giữ miền đất. Mỗi chủ đề là một góc nhìn, góp phần hoàn thiện bức tranh văn hóa vùng miền trọn vẹn nhất. Cứ như vậy, câu chuyện không phải là một hình hài nhỏ lẻ của cuộc sống, hay chỉ đơn giản là một tình huống ứng xử của các con vật với nhau, hoặc ứng xử giữa con người với nhau. Mà còn là lối sống trong đạo nghĩa con người.

2.2.2. Hình tượng nhân vật ngụ ngôn gắn liền với đặc tính sinh thái: Người nữ và người con được tự nhiên huyền thoại hóa

Hình thành nên diện mạo của nhân vật ngụ ngôn trong truyện ngắn Trần Bảo Định chính là hình ảnh người nữ (nhiều hình ảnh là người mẹ) và người con. Người mẹ là ẩn ý cho sức mạnh của vùng đất, trong truyện của ông người phụ nữ nắm giữ văn hóa, hiểu lẽ phải trái như chính câu chuyện *Măng cụt – trái tình yêu* được dẫn dắt trong bài báo. Ngoài ra, đó còn là người phụ nữ nắm giữ tri thức, văn hóa của vùng đất, đóng vai trò truyền đạt tri thức về đất, người, tự nhiên phương Nam:

Hồi đó, những khi lội rạch xúc tép mò tôm, Sáu Lai thường dặn Năm Chì đừng bắt con sam mà tội nghiệp! Và, cả làng không ai ăn thịt sam dù thịt sam chế biến được nhiều món ngon, như: tiết canh, gỏi, chưn sam xào chua ngọt, xào sả ớt, sam hấp, trứng sam chiên giòn,… Bởi, ăn thịt sam là ăn sự thủy chung.

(Định, 2019b, tr.16)

Người nữ có một cảm thức dường như đồng dạng với đất trời, với tự nhiên, họ là người đại diện cho tiếng nói của sinh thái. Người nữ vốn trong các nghiên cứu sinh thái là gần với tự nhiên, họ luôn là đối tượng bị so sánh với một đối tượng khác cao hơn, như phụ nữ bị so với nam giới, tự nhiên bị so với văn minh. Tự nhiên và phụ nữ còn tương đồng nhau ở phương diện sinh nở, bởi đó là thiên chức của người nữ, và là đặc tính của thiên nhiên, luôn tái sinh và bảo bọc, chở che sinh mệnh khác (phụ nữ chở che con cái của mình, tự nhiên chở che và là đất sống cho muôn loài).

Nữ quyền luận sinh thái đặt ra ba vấn đề chính yếu của mối quan hệ phụ nữ - tự nhiên. Do một số đặc trưng cơ thể và do quá trình sinh nở, phụ nữ thường được xem là gần với trái đất hay tự nhiên, đối lập với tư duy và tâm linh, những thứ được liên kết với "nam tính" và nâng lên hàng tồn tại cao hơn, dẫn đến một kiểu nhận thức luận và những giá trị văn minh dựa trên sự thống trị tự nhiên và các giá trị "nữ tính", trong thế liên kết với nhau. Phân tích lịch sử siêu hình học phương Tây như những nhị nguyên luận lý trí/ tự nhiên, Plumwood viết: "Bình diện có giá trị cao hơn (đàn ông, con người) được hiểu là tách rời và thuộc bản chất khác hay trật tự tồn tại khác so với bình diện yếu thế "thấp kém" (phụ nữ, tự nhiên) và mỗi bên được xử lý như thiếu những đặc tính khiến cho sự gối đầu, tương đồng hay tiếp nối có thể xảy ra.

(Lan, 2016)

Nhưng trong truyện ngắn của Trần Bảo Định người nữ trở nên chủ động, tinh tường vùng đất. Nét vẽ của nhà văn về người nữ rất đặc sắc, họ không hề bị động trước hoàn cảnh, mà hơn hết, họ còn là người điều chỉnh cả văn hóa:

Mặc ghe không có Bếp, ông Bảy và Sáu vẫn tin ghe có Táo. Đó là, Táo bà của những đứa con Việt. Táo Bà tượng trưng cho tục thờ mẫu xa xưa của người Việt cổ, cũng là tục lệ quý trọng công lao mang nặng đẻ đau của người mẹ. Tuy nhiên Táo bà chưa đủ để gánh vác việc nhà việc nước nên cần phải có Táo ông. Nhưng một Táo ông cùng một Táo bà chỉ là cặp Âm – Dương phát sanh mầm sống, chưa thể gánh vác đại sự. Phải thêm một Táo ông nữa tạo ra bộ ba "Tam vị nhất thể", đó là hình ảnh của quẻ Tốn (2 dương 1 âm) trong kinh Dịch. Tốn là gió mạnh, là mệnh lệnh, là luật Trời,... Người xưa ngụ ý sức mạnh của cái bếp trong đời sống con người

(Định, 2016, tr.41)

Cũng giống truyện ngụ ngôn, câu chuyện diễn ra trong một tình huống có vấn đề trên một chiếc ghe có ông Bảy và Sáu sống lênh đênh sông nước, đến ngày tháng Chạp, đưa Táo về trời. Bà Sáu có ý muốn đưa Táo bà về trời, bởi Táo bà là nội tướng trong nhà, hiểu rõ thiệt hơn, biết cân bằng mọi sự. Chuyện này, đã động đến Thành Hoàng và Thần Sông, Thành Hoàng không hài lòng đòi Thần Sông lật thuyền họ, trừng trị vì tội phá bỏ truyền thống. Sau cùng, Thành Hoàng và Thần Sông cũng đưa ra nhận định rằng: truyền thống vốn cần phải thay đổi cho phù hợp với thời thế, vì vậy ý của bà Sáu không có gì sai. Trên thuyền nhỏ của mình, ông Bảy và bà Sáu vẫn đang thực hiện nghi thức đưa bà Táo về trời. Câu chuyện hàm ý ngụ ngôn sâu sắc, ngoài cái mà người kể chuyện đã nêu bật lên như một lời lẽ giải quyết tình huống, kết lại câu chuyện. Ý ngụ ngôn bề sâu của truyện còn ở chỗ tính quy luật của đời sống, thuận trời nhưng vẫn phải thuận lòng và thuận đời sống con người. Từ đó cho thấy đạo nghĩa trọng nữ, trọng quý công lao của người nữ đóng góp cho gia đình, cho người chồng. Cuộc sống con người phương Nam hài hòa là thế, minh triết là thế, và hình ảnh người nữ là một dụ ngôn lớn cho minh triết sống hài hòa yếu tố tâm linh và tâm tính con người. Ngoài ra, người mẹ ở đây còn là đức mẹ đại ngàn bao la, vĩ đại, làm cho đời sống con người ấm êm, hạnh phúc.

Còn về hình tượng người con, tức đứa con được hoài thai nơi lòng mẹ, đức mẹ đại ngàn và người mẹ sinh nặng đẻ đau. Đã là con, thì phải tiếp nối và gìn giữ vốn của vùng đất này. Bởi thế, nhân vật người con mang tính biểu tượng thế hệ, sự tròn đạo với vùng đất và cả bậc sinh thành. Do vậy, bao thế hệ sinh ra nơi đất này cũng đều mang cảm thức biết ơn và hiểu mình thuộc về vùng đất như một ranh giới vĩ đại trong tư tưởng. Như câu chuyện đã được dẫn về người anh hùng Ba Hữu, đã sống và chết vì vùng đất. Hay trong truyện *Ba Láng những ngày…*:

"Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Xà No, / Có thương em, anh mua cho một con đò,

Để em lên xuống thăm dò ý anh…"

(Định, 2019a, tr.34)

Câu ca dao trong truyện kể về tình yêu trong hành trình đấu tranh chống bọn tay sai cho giặc Tây. Đó là quá trình về sự chấp nhận, tôn vinh và thờ cúng âm linh. Truyện nói về Năm Xồi và Sáu Huệ có tình cảm với nhau và cùng có tình bạn với Đực Cồ. Nhưng lớn lên Đực Cồ lại làm tay sai cho Cai Vĩnh, là một người được Tây bầu lên cai quản vùng đất. Cai Vĩnh là kẻ bại hoại, sống vô đạo đức và

thường làm khổ đời bao cô con gái trong thôn xóm. Trong suy nghĩ của hắn, lúc cũng cố gắng tìm được cơ hội để làm nhục Sáu Huệ. Đến một hôm, hắn tìm được cơ hội, bắt được Sáu Huệ lên chiếc ghe hầu tính làm chuyện không đứng đắn thì bị nghĩa quân của Năm Xồi tấn công. Nhưng cuộc tấn công này không chỉ tổn thất về phe của Cai Vĩnh mà Năm Xồi và Sáu Huệ cũng ra đi. Năm Xồi bị bắn bởi Đực Cồ, Sáu Huệ ôm Năm Xồi cùng chết:

Dì Tư, mợ Bảy, bà con xóm vườn cam Ba Láng đã tìm được xác Năm Xồi, Sáu Huệ trôi vướng bụi ô rô ở miếng biển thí thuộc doi đất Sóc Xà No và cả hai, được chôn cất tử tế tại nơi đã tìm thấy xác.

Cảm khái nghĩa khí, trân quý lòng chung thủy của những người con Ba Láng, ngày đó, dân trong vùng dựng ngôi miếu thờ, gọi là Miếu Cô Cậu.

(Định, 2019a, tr.33 – 34)

Hình tượng người con trong mỗi truyện ngắn của nhà văn đều mang khí khái được nuôi dưỡng từ đất, trời Nam Bộ. Họ biểu nghĩa cho việc sống và chết vì vùng đất. Tuy vậy, ý ngụ ngôn còn sâu sắc hơn thế, con người và vùng đất chẳng bao giờ tách rời, họ sống và chết đều đã hóa hồn trong đất, trong sông, trong mỗi sản vật tự nhiên. Từ đó, càng khẳng định tính đồng nhất của tự nhiên và con người, con người không cao hơn tự nhiên, không lớn lao hơn trời đất xung quanh, mà con người còn phải học hỏi từ tự nhiên. Bởi tự nhiên vốn là người thầy đầu tiên của con người phương Nam. Con người nhờ vào tự nhiên mà sống, nhìn vào tự nhiên mà học, mà hình thành tính cách, lối ứng xử với đời sống. Trên cơ sở ấy, càng khẳng định tính nghĩa bao trùm của các hình tượng là nhân nghĩa trong đời sống.

2.2.3. Không – thời gian ngụ ngôn: kiến tạo sự tương mệnh của con người và tự nhiên

Như đã đề cập ở phần nhân vật gắn liền với cốt truyện, tính không – thời gian của truyện ngắn Trần Bảo Định không phải là một lát cắt đơn thuần của cuộc sống như bao truyện ngắn khác. Đặc biệt hơn, tính không – thời gian trong truyện mang một bao quát rộng lớn, tái hiện cả đời sống văn hóa Nam Bộ, thể hiện đặc trưng lối sống của con người nơi đây. Từ đó, khiến cho con người và tự nhiên như những yếu tố cùng cấu tạo nên không gian Nam Bộ mà khó có thể tách rời. Nhà văn đã xây dựng cơ chế tạo nghĩa hai chiều, tức chiều tự nhiên ra con người và con người lại phản ánh lại tự nhiên.

Trước hết, cần nói về đặc tính của môi trường Nam Bộ, đây được cho là vùng không gian dung hợp, phức hợp với nhiều dòng người đến định cư từ những vùng khác, do vậy họ đã mang nhiều triết lý sống đến nơi này. Từ đó, hình thành nên nơi đây là một vùng đất khá khép kín việc ảnh hưởng bên ngoài, thế nên việc ảnh hưởng một tư tưởng lớn, cụ thể và duy nhất nào từ bên ngoài là một điều khó thấy ở Nam Bộ. Bởi thế, con người được trả về với tự nhiên nguyên sơ, và người thầy minh triết lớn nhất chính là thế giới sinh thái xung quanh. Trong truyện của Trần Bảo Định, tự nhiên hay không gian tự nhiên chính là không gian nền tảng cho vạn sự diễn ra. Trùng hợp thay, truyện ngụ ngôn cũng thường là một không gian cụ thể như rừng, chợ,… mà với truyện về loài vật, thì không gian rừng cũng chiếm ưu thế. Trong truyện ngắn, Trần Bảo Định sử dụng thủ pháp ẩn dụ đến từng chi tiết, vì thế không gian trong truyện ông không có vai trò chỉ là yếu tố để nhân vật hành xử, mang tính chức năng mà có sự chi phối rất lớn. Vì thế, không gian đôi khi rất xác định, nhưng cũng rất bao quát cho kiểu không – thời gian đặc trưng Nam Bộ.

Biểu trưng tiêu biểu cho không – thời gian chính là môi trường tự nhiên, là ngụ ý cho đức mẹ thiên nhiên bao dung, yêu thương con người. Môi trường ấy có một đặc tính nghĩa chung về nhân nghĩa trong cách hành xử và lối sống. Dẫu là loài vật nào, con vật nào cũng thể hiện một lối sống mang nghĩa tình, để từ đó con người noi theo, học theo lối sống ấy, và tự nhiên xứng danh là người thầy của nhân dân Nam Bộ.

Trong nhiều truyện ngắn, nhà văn Trần Bảo Định khắc họa nhân vật tương tác với không – thời gian chặt chẽ với môi trường sinh thái, như trong truyện *Cô Hai rạch Quản Lộ* với nghề làm bánh tằm:

Bỏ xứ Ngan Dừa, cô Hai về rạch Quản Lọ tá túc với chị Năm, bạn hàng bán muối trên sông.

- Cô Hai nghỉ luôn nghề xe bánh tằm, vò viên xíu mại, à?

Chị Năm hỏi trong sự tiếc rẻ.

- Mỗi lần xe bánh tằm, em nhớ tía má chịu không nổi. Đành bỏ thôi, chị ơi!

Giọng cô Hai nấc nghẹn, buồn chờn vờn chực chờ bật thành tiếng khóc. Những lúc "trái gió trở trời", cô Hai thấm lạnh nỗi bơ vơ thân phận kẻ mồ côi:

Có cha có mẹ thì hơn

Không cha không mẹ như đờn đứt dây.

(Ca dao)

Cô Hai chuyển nghề theo chị Năm, nhận muối vựa Bạc Liêu, chèo ghe bán dạo và bỏ mối chợ Ngã Bảy. Thường khi, bà Tám mua muối của cô Hai đem vô đồng mần mắm khắp. Từ đó, hiểu nhau cảnh ngộ, chia sẻ và thân tình. Lần hồi, ông bà Tám coi cô Hai như con gái.

(Định, 2017a, tr.75)

Truyện *Cô Hai rạch Quản Lộ* bắt đầu từ một tiếng rao cô Hai làm nghề bán muối sáng sớm trên sông. Dần dần ký ức hiện về, nhớ quãng đời cô Hai sống bên má mình đầy chông gai. Khi má mất, cô theo dòng nước đến xứ khác sinh sống, bỏ nghề làm bánh của má. Câu chuyện cứ ngỡ là trật đường ray, khi thế hệ sau không duy trì tiếp sứ mệnh quảng bá sản phẩm của vùng đất với biết bao tinh túy từ tự nhiên: bánh làm từ gạo, nước cốt dừa từ dừa, mắm thơm ngon từ cá,… Nhưng, nhân vật cô Hai vốn là người yêu thương và thấu hiểu vùng đất, vốn có lối sống mạnh mẽ, tự lập không cần ai lại gặp phải một biến cố cần ứng xử. Đó là nhân vật ông Hội ve vãn, khiến cô liên tục tránh né. Từ đó, mạch truyện như được nối lại, nghề bánh có thể không, nhưng sâu trong nghề bánh là lời dặn của má đầy minh triết của tự nhiên: "Những lúc thấy con mỏi mệt, xao lòng, má thường động viên: Ở cái chốn "Muỗi kêu như sáo thổi, đỉa lội tợ bánh canh", vậy mà, chẳng thiếu những món ăn hoặc sản vật đã vang danh" (Định, 2017a, tr.72). Trong câu nói của người mẹ, đó là cả một hành trình của những thế hệ, của người mẹ và thế hệ đầu đã trải qua thăng trầm để sống được cùng đất mẹ bao la. Và người con gái, cô Hai, thế hệ sau đã là sự tiếp nối của triết lý: Đất trời nào cũng là quê hương, cũng là xứ sở chỉ cần là Nam Bộ này. Từ đó cho thấy tính ngụ ý rất thâm sâu trong lời nói, cử chỉ nhân vật trong không – thời gian. Thời gian qua đi, mọi thứ có thể sẽ phải trải quy luật còn mất. Dẫu vậy, sản vật quê nhà đi qua năm tháng đã nên hình nên dáng, đã trở thành kinh nghiệm truyền thống cho muôn đời sau. Nhờ vào đời sống tự nhiên, con người làm ra thương hiệu Cửu Long, qua quá trình biến đổi, tích lũy nhiều đời để thành một lưu dấu cho thế hệ. Tự nhiên đã hóa thành những ý nghĩa bất diệt trong nhân vật của văn chương nhà văn: Là linh hồn, là chuỗi hành trình trong mỗi thân phận con người. Con người nào cũng ánh lên thân phận của thiên nhiên. Như trong cuối truyện, nhân vật cô Hai nằm suy ngẫm đầy triết lý và được nhà văn bỏ ngỏ:

Con kinh Quản Lộ - Phụng Hiệp quam quam mấy đoạn chạy qua Long Mỹ - Sóc Trăng, rồi thẳng như ruột ngựa lúc chạy qua Bạc Liêu; tới gần thành phố Cà Mau nối rạch Quản Lộ, nó cong như cặc bần cong khi bị sóng đánh dồn dập rồi đổ nước ra sông Gành Hào. Cô Hai sực nhớ hồi má còn sanh tiền, thường nói "Sông có khúc, người có lúc".

"Người có lúc", cô Hai hoàn toàn tin như vậy!

(Định, 2017a, tr.80)

Suy tư về một vấn đề gì đó, con người cũng khởi suy tư từ hình hài vận động của tự nhiên để tìm ra quy luật đang đối diện phải. Và cô Hai, nhân vật trong truyện tin vậy, tin rằng bao gian truân con sông mới trở về nơi nó có thể đổ nước, hóa thân bao vùng đất, chuyên chở trong nước sản vật phong phú. Người cũng vậy, đời người cũng lắm gian truân, thăng trầm và thời thế để có thể chuyển hóa cuộc đời. Thế mới thấy, đất trời và thiên nhiên Nam Bộ tương mệnh với dân Nam Bộ, chẳng có sự cắt đứt biệt lập, sông nước tuy chia cắt nhưng cũng đã nối liền, nối liền những tâm thức chung mà đời người dung dưỡng. Hay trọng truyện *Gạo nếp quê chồng*, dấu ấn và triết lý của nhiều thế hệ từ lập nghiệp, từ bén rễ, đến sinh thành sản vật quê nhà là cả một chuỗi thời gian dài:

Thời trẻ ông ngoại theo ba sống nghề thương hồ từ Quán Cửa vô xứ Nam Kỳ. Bởi, như ông ngoại thường nói lúc còn sanh tiền:

Đạo nào vui bằng đạo đi buôn

Xuồng bể lên nguồn, gạo chợ nước sông.

(Ca dao)

Rồi luyến cảnh níu chưn, thương người níu tay nên ông ngoại ở lại Cần Đước vì phải lòng bà ngoại. Nhiều lúc, bà ngoại nói vui:

Rồng chầu ngoài Huế

Ngựa tế Đồng Nai

Nước sông trong chảy lộn sông ngoài

Thương người xa xứ lạc loài tới đây.

(Ca dao)

Ông ngoại bạc phước mất sớm, mấy năm sau ngày xả tang ông ngoại, bà ngoại gả dì Bảy về xứ Bãi Xàu cho Thạch Sum, một chàng trai Khmer nghèo nhưng siêng năng và tốt bụng.

(Định, 2017a, tr.144)

Tính thời gian và cả không gian được thể hiện trong truyện qua hai phương diện: quá trình lập nghiệp, bén duyên cùng vùng đất và nối tiếp một thế hệ khác để sinh thành sản vật quê nhà. Mỗi sản vật là nếp ngon xứ Khmer thôi mà con người đã trải qua năm tháng, thăng trầm. Những thế hệ lang bạt, tìm

được đến miền đất đủ duyên để ở, sau đó nên đạo vợ chồng và rồi sinh con đẻ cái, gả đi miệt xa. Từ miệt xa ấy, đứa con lại bén duyên với vùng văn hóa Khmer và rồi cùng nhau làm nên sản vật ngon lành là gạo nếp, lại một chặng hành trình dài của thời gian miên man:

Nếu gạo nuôi sống và tạo tính cách con người thì nếp dưỡng tâm hồn và làm nên sự nồng nàn cuộc sống.

Ai về thẳng tới Năm Căn

Ghé ăn bánh hỏi Sóc Trăng, Bãi Xàu

Mắm nêm, chuối chát, khế, rau

Tôm càng Đại Ngãi cặp vào khó quên.

(Ca dao)

Dượng Bảy nói: "Quê dượng không nghèo, chỉ có người nghèo vì từ chối mần siêng".

Rồi dượng kể chuyện mần siêng của tía má:

– Những năm khó khăn, tía má tui đi bạn theo ghe chở lúa gạo đi từ vàm Đại Ngãi vượt sông Hậu, qua Tiểu Cần, tới Láng Thé và rồi, vượt sông Tiền, qua Bến Tre, tới Mỹ Tho... Người chèo thiếu điều muốn hụt hơi, be ghe cũng muốn rã mà vẫn chưa tới bến Bình Đông, Chợ Lớn.

Má tôi nghe muốn ê răng, dượng Bảy kể tiếp:

– Sau đó, tụi Tây đào con kinh Quản Lộ nối Cà Mau – Phụng Hiệp, ghe chở lúa xuất phát Bãi Xàu chèo thẳng mạch lên Ngã Bảy, rồi đi Cái Côn qua Trà Ôn, theo đường kinh Măng Thít ra sông Tiền tới Mỹ Tho. Đường thủy lúc bấy giờ được rút ngắn, tương đối thuận lợi dễ đi cho những đoàn ghe chở lúa gạo có tàu dòng và người bớt vất vả.

(Định, 2017a, tr.145-146)

Đi qua một miền đất là đi qua những chiều dài của lịch sử và văn hóa. Con người được nên hình nên dạng, sản vật được nên tên, nên tuổi là công sức của bao bàn tay, bao lớp người đã sống và chết vì quê hương này. Bởi thế, thời gian và không gian Nam Bộ hòa quyện vào nhau, mỗi một không gian là mở ra một thời gian bao la, rộng lớn, đầy vất vả của kẻ tìm đất, tìm nơi định canh, định cư. Đất trời Nam Bộ dẫu đầy rẫy sông nước, đầy rẫy đất lành nhưng mỗi người chỉ có thể yêu thương được một miền đất. Vì thế, đời mỗi người tái hiện cả một hành trình sống và lao động cật lực của chính mình. Hạt gạo trong truyện từ đó mang một ngụ ý lớn: ngụ ý về đời sống con người từ không ổn định thành ổn định, từ ngao du khắp chốn thành dựng xây cuộc sống lâu dài, gắn bó. Kể từ đó, con người thương và yêu lấy vùng đất sống, ra sức làm giàu có không gian sống của vùng đất, bạt ngàn ấn tượng hình ảnh cây lúa ngát hương.

Tóm lại, sinh thái và con người đan quyện vào nhau mà sinh tồn, mà tạo dựng cuộc sống. Bởi thế, sinh thái là một ngụ ngôn lớn trong truyện của nhà văn, gửi gắm thông điệp lớn lao rằng: Tự nhiên mất là con người cũng chẳng còn. Và đất trời Nam Bộ muốn tồn tại với bản sắc của riêng nó không thể thiếu hình thù và vốn sống của tự nhiên. Do vậy, con người cần quan tâm nhiều hơn đến sinh mệnh sinh thái và đó cũng là cơ sở cho sự bảo tồn sinh mệnh của riêng mình.

2.3. Ngụ ngôn sinh mệnh sinh thái trong văn chương Trần Bảo Định

2.3.1. Ngụ ngôn sinh mệnh sinh thái thời khẩn hoang, kiến tạo

Thiên nhiên mở đầu lúc nào cũng sẽ là thách thức với con người. Xứ sở mới lạ, con người sao khỏi đối diện với hiểm họa tiềm ẩn mà mình chưa biết hết, chưa hiểu rõ. Vì vậy, con người với những nhận thức ban đầu về thiên nhiên sẽ là thú dữ, đất chằng lành:

"Đến đây xứ sở lạ lùng/ Con chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh

Chèo ghe sợ sấu cắn chưn/ Xuống sông sợ đỉa, lên rừng sợ ma."

(Định, 2017b, tr.119 - 122)

Bài ca dao được trích từ truyện *Cúm núm miệt Vĩnh Đại*, thuộc tập truyện *Dấu chưn lưu dân*. Bước chân tới vùng đất này, con người là khách, khi chưa hiểu vị chủ thiên nhiên đang ngự trị, con người cũng gặp nhiều khó khăn:

Họ Lê từng nuốt ngược nước mắt vào lòng, chịu cảnh ly hương để đến vùng đất mới khẩn hoang, khai phá. Và, cũng đâu dễ dàng gì cho ông bà mình thuở đó trên bốn xứ Vĩnh Đại nầy: ***"Chèo ghe sợ sấu cắn chưn/ Xuống sông sợ đỉa, lên rừng sợ ma"*** *(Ca dao). Sơn trường lắm mới có được hạt ngọc trời cho ăn mà sống đến ngày nay.*

(Định, 2017b, tr.122)

Bài ca dao mở ra khung cảnh lưu dân phải đối diện với sức mạnh ngàn năm của tự nhiên đang tồn tại. Nhưng nếu người dân xứ này chinh phục được và hiểu được trong sâu thẳm những bề mặt hiểm nguy thì sẽ tìm ra nguồn đất, nước nuôi dưỡng con người. Như câu chuyện mà chúng tôi dẫn, nói về con cúm núm để hiểu được tiếng kêu loài cúm núm sâu

sắc, đặt được tên con vật phải là hành trình quan sát rất lâu. Con cúm núm còn được dẫn ra với đức tính tốt đẹp, mà khi hiểu nó, con người càng cảm phục thiên nhiên xung quanh hơn là sợ hãi. Trong truyện kể về con cúm núm bị bắt và bị con người làm mồi để dụ con khác đến và bắt, nhưng cúm núm không dễ dàng khuất phục nó thà chết chứ không giết đồng loại, con người nhìn vào tự nhiên mà dần hình thời đời sống của mình. Như đã đề cập, trong miệt Vĩnh Đại trong truyện cũng có người tên là Ba Hữu theo kháng chiến và bị bắt, anh đã sống như loài cúm núm, không khai báo với địch và chịu chết:

Kinh ngang ngày xưa, nay người ta gọi là kinh Vĩnh Đại. Tím thì thầm với xương cốt Ba Hữu:

- Con không chết bởi "cúm núm mồi" được chủ nuôi từ hồi còn là trứng. Con chết, bởi lòng cao thượng của con cúm núm đầu đàn trên vùng đất kiên cường Vĩnh Đại, một vùng đất nằm giữa ruột Đồng Tháp Mười đã bao đời đổ mồ hôi sôi nước mắt, đổ máu xương để gầy dựng và gìn giữa.

(Định, 2017b, tr.127)

Kinh Vĩnh Đại đã nhiều lần thay họ đổi tên, từng là con kênh vô danh của thời kỳ đầu. Dần dần, người sống, người đặt tên như một nhắc nhớ về một sự kiện, dấu ấn nào đó trong cộng đồng. Theo thời gian, con người lại một lần nữa đổi tên, thay họ để tiếp tục ghi dấu những sự kiện lớn lao mới hơn. Thiên nhiên và con người vốn sẻ chia ở những thời kỳ đầu tiên và cả trong thời kiến tạo, hoặc nói rộng ra cả thời đương đại, thiên nhiên vẫn giữ một vai trò sẻ chia hết mực. Đó là sẻ chia đất sống dưới một vẻ tôn trọng lẫn nhau, người tôn trọng đất của vật, vật cũng hạn chế xâm phạm nơi sống của người. Hơn hết, con người hiểu ra, con người là khách nơi đất này, tự nhiên hay sinh thái mới là chủ của vùng đất, vì vậy con người chẳng nên tước đoạt quyền sống của loài khác. Như thế, trong hoàn cảnh của Nam Bộ, người dân xứ này trở nên thuận hòa với vạn vật xung quanh. Con người lúc ấy biết ăn và biết chừa cho thiên nhiên phát triển.

Nhìn vào thiên nhiên, con người gầy dựng cả vật chất và tinh thần. Trước hết là vật chất nơi chốn vùng đất không thứ gì là vô dụng với con người. Như mùa nước nổi, cứ mỗi năm nước lên, đời sống người dân phải trải qua nhiều khó khăn từ đi lại, sinh hoạt,… Nhưng thiên nhiên chưa bao giờ bạc đãi, nước lên cũng là lúc không hề thiếu ăn, trong lòng con nước mang đến cá tôm, mang đến cuộc sống cho con người như trong truyện *Con nước miền quê* đầy triết lý sẻ chia:

Mình sống được là nhờ nước và muốn được sống, phải biết giữ nước ngọt, rồi nhẫn nhục mà gạn đục khơi trong. Nước có con chớ tuyệt nhiên không có thằng, thiên hạ gọi là con nước, Con nhớ lấy nếu thiệt lòng ham mần ruộng và mong mỏi trở thành thôn dân thứ thiệt.

(Định, 2017a, tr.28)

Tiếp theo là lời nói của người vợ của ông Chín:

Trời có cái mặt thì, Trăng và Đất tại sao không? Trăng – Trời – Đất ở thế chưn vạc, kiềng ba chưn. Nếu là "Bửu", hẳn là "Tam Bửu"; Nếu là "Ngôi", hẳn là "Ba ngôi"; nếu là "Nước", hẳn là "Tam quốc"… Khi Trời – Trăng kết hợp và nhất là, lúc Trời chìu lòng Trăng thì, Đất hoàn toàn bị Trăng khống chế bằng lực hút. Nước từ Đất trồi lên.

(Định, 2017a, tr.30 – 31)

Và có cả sự đóng góp suy tư của nhân vật hàng xóm tên Năm Tân:

Đất chẳng hề thụ động chịu trận cho Trăng chủ động hút. Trăng – Đất tương tác cùng hút lẫn nhau, chỉ có vậy, nước trào lên… Sống trên mặt Đất, Người tránh sao khỏi tương tác, tránh sao khỏi liên lụy.

(Định, 2017a, tr.32)

Hay, hoàn cảnh khi đến miền đất này đã phải chịu cảnh ngập liên miên:

Phía hậu đất Ba Giồng là rừng ngập nước chạy lút vô miệt Đồng Tháp Mười, nơi đầy rẫy côn trùng độc hại và thú dữ rình rập; thời khẩn hoang của người đi lập nghiệp thường thốt lên: ***"Tới đây xứ sở lạ lùng/ Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng ghê"*** *(Ca dao).*

(Định, 2017a, tr.156)

Trong cái lẽ sống nhờ ấy, đất trời Nam Bộ đã cực bao dung và hòa hợp để con người sinh tồn. Bởi đó là quy luật của loài và cả của người. Con nước hay một cảnh quan sinh thái mất đi là lúc mà Nam Bộ sẽ nguy nan, sẽ gặp trắc trở. Bởi, loài vật sẽ không còn nơi sống, môi trường biến đổi gây nguy cấp cho biết bao thế hệ con người, vì vậy con người phải nằm lòng quy luật sẻ chia trong quá trình phát triển, phải sẻ chia cả cho đất, cho nước, cho sinh thái Nam Bộ đường sống. Về điều này, truyện ngắn Trần Bảo Định cũng đã đề cập rất nhiều lần, qua việc ông thể hiện đặc tính loài, đặc sắc sản vật Cửu Long, khắc họa hình thù của mỗi vùng đất. Đó không hẳn đơn giản chỉ là truy tầm trở về nguồn cội của sự ra đời tên, ra đời nơi ở của con người mà đó còn là lời nhắc

nhớ về sự song hành, luôn bên cạnh nhau của người và sinh thái. Bởi thế, con người phải chừa đường cho tự nhiên, không được ép uổng, phát triển tuân theo quy luật hơn là sống mái, cải tạo không ngừng.

Sau cùng, có thể hình thành diện mạo của quy luật sẻ chia một cách khái quát rằng: Đất, trời, sinh thái Nam Bộ phải song song tồn tại, phải được bảo tồn và phát triển những vùng tự nhiên để sinh mệnh loài được gìn giữ, không kiệt quệ; Cần tuân theo quy luật của sinh thái để hiểu lẽ vận động cần thiết, phù hợp cho đời sống của con người; Từ đó cũng là cơ hội để bảo toàn sinh mệnh sinh thái, cũng như bảo tồn sinh mệnh người dân chốn này.

2.3.2. Ngụ ngôn sinh mệnh sinh thái thời đương đại

Tuy thế, sự phát triển vũ bão của nhân loại cũng kéo theo bao sự gánh gồng của tự nhiên. Đọc văn chương Trần Bảo Định, đó là lúc ta chợt nhận ra những màu xanh sinh thái đã lần hồi đi vào quá vãng. Có những vùng đất chỉ còn nằm trong ký ức, trong văn chương. Trong tập truyện *Bông trái quê nhà*, nhiều lần tác giả đề cập đến sinh mệnh sinh thái dần hoặc đã biến mất, hoặc đã có nhiều đổi thay bên trong chất lượng của cây trái. Như trong truyện *Sầu riêng chín rụng*, chính con người đã biến chất sản vật của thiên nhiên:

Rồi cậu sẽ già đi, mất đi. Và con, sẽ là chủ nhân của khu vườn sầu riêng trải qua mấy đời người để lại. Con nhớ đừng bao giờ hám lợi trước mắt và chủ quan trong cách nuôi dưỡng, chăm sóc khiến cây sầu riêng rối loạn sinh lý. Đã rối loạn sinh lý, thì đương nhiên cơm sầu riêng bị cứng, ngả màu nâu thay vì màu vàng.

(Định, 2018b, tr.111)

Câu chuyện mở đầu từ việc người chị sang thăm người em ở vườn sầu riêng. Ở nơi đây, người chị cũng bén duyên với chồng mình là Sáu Lĩa, người giỏi và thạo trồng sầu riêng. Nơi vườn sầu riêng ấy, là nơi họ yêu nhau, gắn kết cùng nhau trên mảnh đất thiêng liêng này. Ban đầu, họ không hiểu nhau, như múi sầu riêng ai thích thì ghiền, kẻ chưa chịu được mùi thì vô cùng ghét bỏ. Nhưng rồi lâu dần, sầu riêng cũng mủi lòng người như người chị mủi lòng Sáu Lĩa. Nhờ vậy, thế hệ con cháu sinh ra, người cậu vẫn còn tiếp tục gìn giữ vườn cây trái. Trong đó, lời dặn của cậu dành cho cháu đầy ý ngụ ngôn về dự cảm một thời sẽ chẳng còn gì là tinh túy của phương Nam. Xã hội, rồi mọi thứ sẽ đổi thay, người đông phần của tự nhiên sẽ càng ít ỏi. Hơn hết, tự nhiên còn phải cho con người cái ăn, cái mặc, cái ở nên khi con người đông dần, cây trái cần phục vụ nhu cầu của họ, trồng ít nhưng đòi hỏi năng suất phải cao, trái sầu riêng phải ra nhiều để đáp ứng được miệng người. Từ đó, cây sầu riêng cần sản xuất nhiều, hàng loạt, trồng cả lúc trái mùa, nhanh chóng và bất chấp quy luật của thiên nhiên. Cũng bởi vì như vậy, mà trái sầu riêng sẽ chẳng còn là tinh hoa của người trồng bao thế hệ. Nỗi lo của người cậu đã mở ra ngụ ngôn về thời đại, về lối sống chỉ biết trước mắt, đáp ứng cái hiện tiền chứ không nghĩ đến tồn vong lâu dài. Dẫu đó là quy luật vận hành đời sống tất yếu, nhưng con người muốn đời không thể bỏ qua quy luật tự nhiên vốn có, để rồi tự nhiên mất, con người cũng chẳng còn cơ hội sinh tồn. Sâu xa ý trong truyện còn là sự mất đi nguồn cội, mất đi triết lý sống mà bao đời đã gây dựng. Xã hội hiện đại đã gãy đổ mọi thứ vì sự vũ bão, đòi hỏi của phát triển nhanh, thần tốc. Trong một truyện khác nhà văn viết đầy suy tư khi kể về câu chuyện đau lòng gắn liền với cây vú sữa, tác giả làm cho người đọc thổn thức và chiêm nghiệm về câu chuyện đó bằng cách lồng ghép câu tục ngữ:

nhức nhối trong tôi điều chưa hiểu: "Cây có cội, nước có nguồn", không còn nguồn thì sao còn nước; không còn cội thì sao còn cây? Người ta bứng gốc bán rẽ vú sữa cũng đồng nghĩa cắt lìa sự sống của vú sữa, và hơn vậy nữa, một ngày không xa, cây vú sữa thơm ngon tuyệt giống!

(Định, 2018b, tr.32)

Cái tận cùng của con người là đòi hỏi kiệt quệ sinh thái, môi trường mất cân bằng và không được đảm bảo. Không chỉ phận trái, mà cả phận cây cũng bị người làm của quý, của hiếm và chiếm riêng cho mình. Dần dần, ta phá vỡ quy luật sẻ chia vốn có, và trở nên tước đoạt. Không chỉ cây trái mất dần, mà con vật phương Nam cũng không còn tồn tại:

Long Hựu bây giờ dẫu có bỏ công đi tìm đỏ con mắt, cũng không dễ gì gặp con cá bống kèo thiên nhiên. Ngần ấy năm thôi, con người tàn phá và xoay chuyển môi trường sinh thái biến đổi chóng mặt và ngợp thở. Cái ăn và thức uống thời hiện đại, đã khéo léo và len lỏi từng bước thống lĩnh cái miệng của mỗi con người trong gia đình, nhất là những người trẻ.

(Định, 2022: 87)

Đó là căn rễ của suy tàn, bởi tận cùng của cái này sẽ là cái kia, như tận cùng của dương sẽ là âm, cái có trước mắt chính là cái không của tương lai nếu dùng chẳng biết gìn và giữ. Con người từ xa xưa có thể dễ dàng rời bỏ đất sống cũ để lập nghiệp nơi đất mới, nhưng trong bối cảnh dân số khủng hoảng, sẽ chẳng còn nơi nào đủ sức chứa nhân loại ở những

năm tháng tiếp theo. Đi theo quy luật phát triển, phá vỡ quy luật hài hòa, là lúc mà chúng ta đang đi ngược phát triển, bởi câu hỏi sau cùng được đặt ra trong tác phẩm dường như đồng dạng với câu hỏi: Chúng ta có cần hiện đại đến thế không? Và con người có quyền tước đoạt mạng sống của sinh vật không? Còn bao câu hỏi nữa mà dường như câu trả lời đã rõ, tuy vậy hồi chuông hiện tại chưa đủ thấm để cảnh tỉnh lòng người. Cội nguồn là thứ rễ để bám víu trước bão giông, nguy cơ của thời đại, nhưng giờ xã hội đã bứng, đã cắt lìa cũng đồng nghĩa trao cho vùng đất cái chết từ từ và khó hồi sinh. Mọi sự rồi sẽ qua đi, con người một ngày nào đó cũng sẽ chẳng cần những nhu cầu hiện tại thì thiên nhiên đã tổn thương vô hạn. Bởi thế, ở thời hiện đại, nhân loại đang làm khủng hoảng sinh thái và cả bản sắc của chính mình. Khi nhìn lại tuyệt tác của chính chúng ta sẽ chẳng còn thấy gì nữa ngoài những cỗi cằn, tiêu điều còn lại nơi vườn, nơi ruộng, như "một cánh đồng bất tận" (tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư), đi mãi và chẳng thấy một sự hồi sinh nào.

Có thể nói, thời hiện đại đã tạo nên nhiều dư chấn toàn cầu, khi sự phát triển công nghiệp đòi hỏi quá nhiều từ nguồn nguyên liệu thiên nhiên. Do đó, quy tắc để vận hành và kiểm soát lạm dụng tự nhiên là cần phải tuân thủ quy luật cộng sinh: Trời, đất, sinh thái còn thì con người sẽ còn. Trên chặng hành trình phát triển, chúng ta cần lưu tâm đến vạn vật xung quanh mình, thường xuyên lắng nghe những tiếng nói thì thầm của cây, của sinh linh bé nhỏ phục vụ con người. Như tác phẩm Trần Bảo Định đã truyền đến mối nguy ấy, và đó là thứ không thể thiếu trong con đường phía trước. Tác phẩm của Trần Bảo Định truyền đến một ngụ ngôn sau cùng rằng: Chúng ta chỉ có một môi trường để sống, không có cái thứ hai, một khi mất đi rất khó khôi phục. Minh triết quan trọng nhất là phải quay về, quay về với người mẹ vĩ đại thiên nhiên để không thấy tách biệt, để không thấy vị trí cao thấp, để thấy sự đồng đẳng giữa sinh thái và con người.

3. TẠM KẾT

Tự nhiên trong truyện ngắn Trần Bảo Định đều mang lại một ý nghĩa ngụ ngôn về đời sống, tự nhiên và người Nam Bộ. Để thấy rằng, sinh thái và con người không nên tách biệt, tự nhiên còn là một ân nhân lớn của con người dù là thuở nào đi chăng nữa. Tác phẩm của nhà văn đã thổi hồn vào bầu trời Nam Bộ những ký ức đã qua và khó có thể lãng quên, nhằm nhắc nhớ ta càng phải gìn giữ đừng để mất đi quá nhiều thì tồn vong của chính xã hội này cũng nguy cấp. Tác phẩm gợi nhắc đến vị trí của tất cả chúng ta từng là bạn, là người đồng vị với thiên nhiên nhưng rồi tự chúng ta tạo lập một xã hội người để nhìn thiên nhiên như một kẻ thù bí hiểm và khai thác. Nhưng có lẽ cả ta và tự nhiên đều như là anh em lớn lên từ lòng mẹ sinh thái bao dung, độ lượng, con người cũng từ đó ra khỏi rừng, khỏi nước, nhờ rừng nhờ nước mà đi lên. Thế nhưng con người không thể trả ơn tự nhiên bằng những tận diệt, khai thác quá đà và phát triển không phù hợp. Tác phẩm đã gợi dẫn một con đường qua việc đảm bảo sự sẻ chia nguồn sống, vì giữ tự nhiên là giữ nguồn cội của con người. Tiếng nói của tự nhiên được cất lên qua tác phẩm đã gửi đến thông điệp về sinh mệnh sinh thái cũng là thông điệp về con người đang nguy nan, và sẽ khó tồn tại về tương lai thịnh vượng nếu thiếu người bạn đồng hành thiên niên kỷ của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Định, T.B. (2016). *Đời bọ hung*. Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ.

Định, T.B. (2017a). *Đất phương Nam ngày cũ*. Nhà xuất bản Hội Nhà văn.

Định, T.B. (2017b). *Ông già Nam bộ nhiều chuyện – Dấu chưn lưu dân*. Nhà xuất bản Hội Nhà văn.

Định, T.B. (2018a). *Khói un chiều*. Nhà xuất bản Đà Nẵng.

Định, T.B. (2018b). *Bông trái quê nhà*. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Định, T.B. (2019a). *Chơi thôi mà!*. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Định, T.B. (2019b). *Mưa bình nguyên*. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Định, T.B. (2022). *Lá rụng mùa – Mấy vấn đề về môi trường sinh thái Nam Bộ.* Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Kính, N. X. (chủ biên), Dũng, V. P., & Lý, P. T. H. (2003). *Tổng tập Văn học dân gian người Việt (tập 10) – Truyện Ngụ ngôn*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

Lan, P. N. (2016). *Tìm về với mẹ thiên nhiên: Cánh đồng bất tận của Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn nữ quyền luận sinh thái.* http://www.hcmup.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=22020%3A2016-10-25-15-43-50&catid=4188%3Avn--vn-hc&lang=vi&site=142

Nguyên, T. (2010). *Góc nhìn cấu trúc về ca dao và truyện ngụ ngôn*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.